

# **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV  
BỘ MÔN NGỮ VĂN Ý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014*

### **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Ban hành tại Quyết định số .....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM)

<b>- Tên chương trình:</b>	<b>Giáo dục đại học</b>
<b>- Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>- Ngành đào tạo:</b>	<b>Ngữ văn Ý</b>
<b>- Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>
<b>- Mã ngành đào tạo:</b>	<b>52.22.02.08</b>
<b>- Trưởng nhóm chương trình:</b>	<b>TS. Trương Văn Vỹ</b>

## **1. Mục tiêu đào tạo chuyên ngành Ngữ văn Ý**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Ngữ văn Ý nhằm mục tiêu đào tạo những Cử nhân ngoại ngữ tiếng Ý có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ xã hội; nắm vững kiến thức chuyên môn, có kiến thức chuyên ngành cơ bản và chuyên sâu, có kỹ năng thực hành và khả năng sử dụng thành thạo tiếng Ý; nắm vững và vận dụng tốt các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy hiệu quả, giải quyết vấn đề...; có khả năng công tác trong các lĩnh vực đòi hỏi sử dụng tiếng Ý hoặc tiếp tục tự học, tham gia học tập và nghiên cứu ở các bậc học cao hơn, trau dồi và nâng cao kiến thức để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn tiếng Ý và nhiều lĩnh vực khác đòi hỏi sử dụng tiếng Ý.

### **1.2. Chuẩn đầu ra (hay Mục tiêu cụ thể) của chương trình đào tạo Ngữ văn Ý**

#### **1.2.1. Kiến thức:**

- Sinh viên được trang bị kiến thức tổng quát về các nhóm ngành khoa học nhân văn và xã hội; có khả năng vận dụng kiến thức khoa học cơ bản trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội; có hiểu biết về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường của Việt Nam và thế giới. (PLO11)
- Sinh viên có kiến thức nền tảng cơ bản và chuyên sâu về tiếng Ý, kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, văn học, xã hội, lịch sử-địa lý và cuộc sống nước Ý, kiến thức chuyên ngành về dịch thuật tiếng Ý, tiếng Ý báo chí, thương mại và du lịch... (PLO12)
- Sinh viên nắm vững kiến thức thực hành, có khả năng vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở mức độ (tương đối) thành thạo và sử dụng linh hoạt, hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Ý cho các mục đích xã hội, học thuật và nghề nghiệp. (PLO13)

#### **1.2.2. Kỹ năng:**

- Sử dụng hiệu quả các kiến thức có được, đặc biệt là kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Ý - Việt, biết vận dụng kiến thức về nước Ý trong những công việc thích hợp. (PLO21)
- Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói như trao đổi, thuyết trình, hùng biện, công văn, thư từ, giao dịch... (PLO22)
- Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin liên quan đến công việc và sử dụng hiệu quả các thông tin thu được. (PLO23)
- Có kỹ năng làm việc độc lập và tập thể, làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng tổ chức công việc liên quan. (PLO24)

- Có kỹ năng giải quyết và xử lý vấn đề, kỹ năng nhận xét và phản biện, có khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện gắn với chuyên môn. (PLO25)
- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, có khả năng tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. (PLO26)
- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học-điện tử, các phương tiện nghe nhìn, thư viện, Internet để tìm tòi và tổng hợp thông tin hiệu quả, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, dịch thuật. (PLO27)

### **1.2.3. Phẩm chất đạo đức:**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam. (PLO31)
- Có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức phục vụ cộng đồng, trung thực trong học tập, nghiên cứu và làm việc. (PLO32)
- Thể hiện trình độ hiểu biết và văn hóa, tiếp thu có lựa chọn các kiến thức và kinh nghiệm trong công việc. (PLO33)
- Có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, điều kiện và môi trường làm việc, mở rộng khả năng làm việc trong nhiều vị trí, lĩnh vực khác nhau. (PLO34)
- Năng động, nhạy bén, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê, tăng cường cải tiến, phát huy sáng kiến trong công việc. (PLO35)
- Có ý thức tự học, cầu tiến, không ngừng trau dồi kiến thức, năng lực, nâng cao trình độ chuyên môn. (PLO36)

### **1.2.4. Trình độ ngoại ngữ:**

- Sử dụng thông thạo tiếng Ý trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Giao tiếp và sở hữu chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai tương đương trình độ B1 trở lên.

### **1.3. Cơ hội nghề nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận những vị trí công tác sau:

- *Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên:* có khả năng biên dịch các văn bản viết hoặc phiên dịch các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc song phương; biên tập các xuất bản phẩm tiếng Ý.
- *Thư ký văn phòng/ Trợ lý đối ngoại/ Hướng dẫn viên du lịch:* có khả năng phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán, giao dịch, ký kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, tổ chức tour du lịch...

- *Giáo viên/ giảng viên/ nghiên cứu viên*: sinh viên tốt nghiệp có thể theo học và lấy chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm để tham gia giảng dạy tiếng Ý như một ngoại ngữ, hoặc có khả năng nghiên cứu và học tiếp các chương trình sau đại học phù hợp.

Như vậy, với các chức danh và vị trí công tác nêu trên, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn Ý có thể làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, hữu nghị hay phi chính phủ; làm việc ở các công ty dịch thuật, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát hành sách, các nhà xuất bản; làm việc tại các công ty du lịch, các cơ sở thương mại, dịch vụ, kinh doanh, khách sạn, nhà hàng liên quan, các văn phòng luật sư, công chứng... liên quan; giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm du học, các viện và các trung tâm nghiên cứu khoa học...

### **MA TRẬN TƯƠNG QUAN GIỮA MỤC TIÊU GIÁO DỤC, CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CÁC MÔN HỌC NGÀNH NGỮ VĂN Ý**

#### **► MA TRẬN MỤC TIÊU ĐÀO TẠO - CHUẨN ĐẦU RA**

<b>MỤC TIÊU GIÁO DỤC (educational objectives)</b>	<b>CHUẨN ĐẦU RA (program learning outcomes)</b>
<b>M1</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có kiến thức cơ bản về khoa học nhân văn.	<b>C1</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ Văn Ý có những kiến thức nền tảng cần thiết cho một sinh viên khối ngành khoa học nhân văn bao gồm Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ không chuyên, kiến thức khoa học tự nhiên, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và các kiến thức cơ sở khối ngành khác.
<b>M2</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có kiến thức ngôn ngữ học của tiếng Ý cũng như khả năng dịch thuật tiếng Ý – tiếng Việt, tiếng Việt – tiếng Ý (biên dịch, phiên dịch).	<b>C2</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ Văn Ý nắm vững những đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Ý; phát âm tiếng Ý chuẩn; kỹ năng biên – phiên dịch Việt – Ý, Ý Việt; biết ứng xử trong mọi tình huống bằng tiếng Ý.
<b>M3</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có kiến thức cơ bản về văn học Ý.	<b>C3</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn Ý nắm vững những đặc trưng cơ bản về văn học Ý từ cổ đại đến hiện đại, văn học dân gian Ý, các tác gia, các trào lưu văn học lớn, những thành tựu nổi bật của văn học Ý, vị trí của văn học Ý tại châu Âu và thế

	giới.
<p><b>M4</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá... của nước Ý, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội đối với những ngành nghề cần sử dụng tiếng Ý (ngoại giao, dịch thuật, truyền thông, kinh tế, ngoại thương,...).</p>	<p><b>C4</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn Ý nắm những đặc trưng cơ bản của văn hoá Ý, kinh tế, xã hội,... của nước Ý; biết vận dụng kiến thức về nước Ý trong những công việc thích hợp.</p>
<p><b>M5</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có kiến thức liên ngành đủ rộng để làm việc được trong nhiều môi trường, vị trí, lĩnh vực có sử dụng tiếng Ý.</p>	<p><b>C5</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn Ý được trang bị các kiến thức bổ trợ nhằm tăng cường các kỹ năng mềm và các kiến thức khoa học xã hội, nhân văn,... giúp sinh viên mở rộng khả năng làm việc trong những lĩnh vực có sử dụng tiếng Ý như báo chí, văn thư - lưu trữ, giáo dục, tổ chức sự kiện, giao lưu văn hóa...</p>
<p><b>M6</b> Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Ý có phẩm chất tốt đẹp, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để thực hiện việc học tập suốt đời nhằm không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao và không ngừng biến đổi của thị trường lao động tại Việt Nam.</p>	<p><b>C6</b> Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn Ý: - Có phẩm chất nhân văn: yêu nước, có quan điểm chính trị vững vàng; đạo đức tốt; biết giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; có ý thức phục vụ cộng đồng; - Có khả năng phân tích, đánh giá một sự kiện gắn với chuyên môn; kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày/thuyết trình trước đám đông; có khả năng làm việc theo nhóm; khả năng tổ chức công việc; - Có thể làm việc trong các lĩnh vực và vị trí sau: biên phiên dịch hoặc công tác tại các cơ quan ngoại giao; các tổ chức quốc tế hay phi chính phủ, các tổ chức hữu nghị có sử dụng tiếng Ý; các công ty dịch thuật, các cơ quan thông tấn, báo chí; công tác kinh doanh tại các khách sạn, cơ sở du lịch; nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, viện/trung tâm nghiên cứu, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tư vấn du học. - Có cơ hội học lên trình độ cao hơn: Cử nhân ngành Ngữ văn Ý có thể học lên trình độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các</p>

chuyên ngành phù hợp hoặc ngành gần như Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Ý, Ngôn ngữ học, Văn học... ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

► **MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC MÔN HỌC CỦA NGÀNH NGỮ VĂN Ý**

STT	Môn học	Số TC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	Ghi chú
<b>I/ Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>47</b>							
<b>1/ Khối kiến thức chung</b>		<b>10</b>							
1	1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê Nin	5	x					x	
2	2. Đường lối cách mạng Việt Nam	3	x					x	
3	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x					x	
<b>2/ Ngoại ngữ 2 (SV tự tích lũy)</b>		<b>15</b>	<b>x</b>						
<b>3/ Khối kiến thức khoa học tự nhiên</b>		<b>7</b>	<b>x</b>						
4	1. Thống kê cho KHXH	2	x					x	
5	2. Môi trường và phát triển	2	x					x	
6	3. Tin học đại cương (SV tự tích lũy)	3	x					x	
<b>4/ Khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành</b>		<b>15</b>							
<b>4.1 Phần bắt buộc</b>		<b>10</b>							
7	1. Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	x					x	
8	2. Dẫn luận ngôn ngữ học	2	x					x	
9	3. Ngôn ngữ học đối chiếu	2	x						
10	4. Thực hành văn bản tiếng Việt								
11	5. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x					x	
12	6. Pháp luật đại cương	2	x					x	
<b>4.2 Phần tự chọn</b>		<b>5</b>							
13	1. Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	x					x	
14	2. Lịch sử văn minh thế giới	3	x					x	
15	3. Xã hội học đại cương	2	x					x	
16	4. Logic học đại cương	2	x					x	
17	5. Nhân học đại cương	2	x					x	
18	6. Tâm lý học đại cương	2	x					x	
19	7. Tôn giáo học đại cương	2	x					x	
20	9. Chính trị học đại cương	2	x					x	

<b>II/ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>94</b>							
<b>1/ Khối kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>12</b>							
<b>1.1 Phần bắt buộc</b>		<b>10</b>							
21	Cú pháp học tiếng Ý	3	x						
22	Từ pháp học tiếng Ý	3	x						
23	Ngữ âm học tiếng Ý	2	x						
24	Từ vựng học tiếng Ý	2	x						
<b>1.2 Phần tự chọn</b>		<b>2</b>							
25	Ngữ nghĩa học tiếng Ý	2	x						
26	Lịch sử ngôn ngữ Ý	2	x					x	
<b>2/ Khối kiến thức ngôn ngữ</b>		<b>67</b>							
<b>2.1 Phần bắt buộc</b>		<b>61</b>							
27	Dịch Ý – Việt (1)	2		x				x	
28	Dịch Việt – Ý (1)	2		x				x	
29	Thực hành tiếng tổng hợp (1)	3		x				x	
30	Thực hành tiếng tổng hợp (2)	3		x				x	
31	Thực hành tiếng tổng hợp (3)	3		x				x	
32	Thực hành tiếng tổng hợp (4)	3		x				x	
33	Nghe (1)	3		x				x	
34	Nghe (2)	3		x				x	
35	Nghe (3)	3		x				x	
36	Đọc (1)	3		x				x	
37	Đọc (2)	3		x				x	
38	Đọc (3)	3		x				x	
39	Viết (1)	3		x				x	
40	Viết (2)	3		x				x	
41	Viết (3)	3		x				x	
42	Nói (1)	3		x				x	
43	Nói (2)	3		x				x	
44	Nói (3)	3		x				x	
45	Nói (4)	3		x				x	
46	Nói (5)	3		x				x	
47	Nói (6)	3		x				x	
<b>2.2 Phần tự chọn</b>		<b>6</b>							
48	Dịch Ý – Việt (2)	2		x				x	
49	Dịch Việt – Ý (2)	2		x				x	
50	Đọc nâng cao	2		x				x	
51	Nghe nâng cao	2		x				x	
52	Viết nâng cao	2		x				x	



<b>3/ Khối kiến thức văn học – văn hóa</b>		<b>6</b>							
<b>3.1 Phần bắt buộc</b>		<b>4</b>							
53	Văn học Ý (1)	2				x			
54	Văn hóa Ý (1)	2			x				
<b>3.2 Phần tự chọn</b>		<b>2</b>							
55	Văn học Ý (2)	2				x			
56	Văn hóa Ý (2)	2			x				
<b>4/ Khối kiến thức chính trị - xã hội</b>		<b>2</b>							
<i>Tự chọn</i>									
57	Lịch sử - địa lý Ý	2				x			
<b>5/ Khối kiến thức bổ trợ</b>		<b>4</b>							
<i>Tự chọn</i>									
58	Phương pháp dạy ngoại ngữ	2					x		
59	Tiếng Ý du lịch	2		x				x	
60	Tiếng Ý báo chí	2		x				x	
61	Tiếng Ý thương mại	2		x				x	
62	Lý thuyết dịch	2		x				x	
<b>6/ Thực tập</b>		<b>3</b>	x	x	x	x	x	x	
<b>7/ Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10<sup>1</sup></b>	x	x	x	x	x	x	

### **Chương trình tổng cộng : 141 tín chỉ**

- Không tính Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (7TC)
- Khóa luận tốt nghiệp chỉ dành cho một số sinh viên xuất sắc, được miễn thi tốt nghiệp.

## **2. Thời gian đào tạo:**

Chương trình cử nhân chuyên ngành Ngữ văn Ý cho sinh viên Việt Nam được đào tạo với thời gian chuẩn là 04 (bốn) năm. Tuy nhiên, tùy theo khả năng học tập của mình, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 01 học kỳ chính hoặc có thể kéo dài thời gian học tối đa là 12 học kỳ chính (tương đương từ 3,5 năm đến 6 năm).

<sup>1</sup> Khóa luận tốt nghiệp là một học phần đặc biệt, tương đương 10 tín chỉ. Sinh viên được chọn là những sinh viên ưu tú có xếp loại học lực với tỷ lệ/tổng số sinh viên toàn khoá theo quy định của trường.

### 3. Quy chế đào tạo:

Chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Ngữ văn Ý được tổ chức dựa theo các văn bản sau:

- “Quy chế đào tạo đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- “Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 1368/QĐ/ĐHQG ĐH&SĐH ngày 21/11/ 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- “Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ bậc đại học hệ chính quy” được ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐT ngày 16/02/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia TPHCM.
- Và một số các quy định và văn bản pháp lý khác về tổ chức đào tạo đại học và cao đẳng ở Việt Nam.

### 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Ngữ văn Ý cho sinh viên Việt Nam được thiết kế với khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khóa học là **141 tín chỉ**, gồm **hai (02) khối kiến thức**: *kiến thức giáo dục đại cương* và *kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*.

Thực tập thực tế được tính bằng 03 tín chỉ.

Đối với sinh viên đủ điều kiện được chọn làm khóa luận tốt nghiệp: khóa luận tốt nghiệp được tính bằng 10 tín chỉ (các môn tự chọn chuyên ngành).

### 5. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh là những người đã tốt nghiệp phổ thông trung học và trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học. Khối thi D bao gồm Văn, Toán, Ngoại ngữ, mà trong đó ngoại ngữ có thể thi tiếng Anh (D1) hoặc tiếng Pháp (D3), môn ngoại ngữ được nhân hệ số hai.

### 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

#### 6.1. Quy trình đào tạo

Sau khi thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh theo quy định, Nhà trường sẽ gửi giấy báo nhập học yêu cầu thí sinh tập trung và thực hiện việc sinh hoạt đầu năm học, nghe phổ biến về nội quy, quy chế học tập và những quy định khác của Nhà trường.

- Chương trình đào tạo bậc Cử nhân chuyên ngành Ngữ văn Ý hệ chính quy được tổ chức theo **học chế tín chỉ**. Học chế này yêu cầu sinh viên phải tích lũy tối thiểu **141**

**tín chỉ** gồm cả hai khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp trong khoảng thời gian từ 3,5 năm đến 6 năm học (tùy theo khả năng học tập của sinh viên).

- Để tiếp thu được một tiết học lý thuyết kéo dài 50 phút trên lớp, sinh viên phải cần từ 2 đến 3 tiết chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu ở nhà, một tiết học thực hành hoặc bài tập trên lớp cần từ 1 đến 2 tiết chuẩn bị ở nhà.
- Trong quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên phải chấp hành đúng những nội quy, quy định của nhà trường; phải tham gia học tập, nghiên cứu, dự đầy đủ các buổi làm bài tập thực hành, thực tập, kiểm tra giữa kỳ, thi hết môn học để tích lũy đủ khối lượng kiến thức cần thiết.
- Sinh viên chọn làm khoá luận tốt nghiệp được miễn 10 tín chỉ các môn tự chọn (tương đương với 5 học phần hay 5 môn học tự chọn).
- Cuối khóa học, những sinh viên hội đủ tất cả các điều kiện theo quy định của Nhà trường sẽ được xem xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

## **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên hội đủ những điều kiện sau đây thì được Hiệu trưởng Nhà trường xem xét cấp bằng Cử nhân chuyên ngành Ngữ văn Ý:

- Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo (tổng cộng tối thiểu 141 tín chỉ cho toàn khóa học).
- Không còn nợ Nhà trường bất cứ thứ gì, kể cả điểm các học phần, học phí, sách báo của Thư viện v.v...

## **7. Thang điểm**

Thang điểm được tính theo thang điểm 10. Điểm kiểm tra, điểm thi cuối môn học được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được lấy đến 02 chữ số thập phân.

## **8. Nội dung chương trình**

Chương trình đào tạo hệ Cử nhân chính quy chuyên ngành Ngữ văn Ý được thiết kế theo cấu tạo như sau:

**Tổng số tín chỉ toàn khóa: 141 tín chỉ**

**8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 47 tín chỉ** (Không bao gồm 2 môn là Giáo dục thể chất - 4 TC và Giáo dục quốc phòng - 7 TC).

Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết thực dạy
<b>1. Nhóm học phần bắt buộc: 42 tín chỉ</b>			
<b>1.1 Lý luận Mác – Lê Nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ</b>			
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê Nin (1)	DAI001	2	45
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê Nin (2)	DAI002	3	75
Đường lối cách mạng Việt Nam	DAI003	3	60
Tư tưởng Hồ Chí Minh	DAI004	2	45
Pháp luật đại cương	DAI024	2	45
<b>1.2. Ngoại ngữ 2: 15 tín chỉ (Sinh viên tự tích lũy)</b>			
<b>1.3 Kiến thức khoa học tự nhiên: 7 tín chỉ</b>			
Thống kê cho khoa học xã hội	DAI005	2	30
Môi trường và phát triển	DAI006	2	30
Tin học đại cương		3	(Sinh viên tự tích lũy)
<b>1.4 Kiến thức cơ bản của nhóm ngành: 10 tín chỉ</b>			
Cơ sở văn hóa Việt Nam	DAI012	2	30
Phương pháp nghiên cứu khoa học	DAI033	2	45
Dẫn luận ngôn ngữ học	DAI013	2	30
Thực hành văn bản tiếng Việt	DAI015	2	30
Ngôn ngữ học đối chiếu	DAI014	2	30
<b>2. Nhóm học phần tự chọn: 5 tín chỉ (Sinh viên tự chọn trong số các học phần sau)</b>			
Nhân học đại cương	DAI023	2	30
Logic học đại cương	DAI020	2	45
Xã hội học đại cương	DAI021	2	30
Tâm lý học đại cương	DAI022	2	30
Tôn giáo học đại cương	DAI029	2	30

Chính trị học đại cương	DAI028	2	30
Tiến trình lịch sử Việt Nam	DAI017	3	45
Lịch sử văn minh thế giới	DAI016	3	45

**8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 94 tín chỉ**

**8.2.1. Các học phần bắt buộc 78 tín chỉ**

Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết thực dạy
<b>1.1 Khối kiến thức thực hành và kỹ năng</b>			<b>60 tín chỉ</b>
Thực hành tiếng tổng hợp (1)	NVY041	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Thực hành tiếng tổng hợp (2)	NVY042	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Thực hành tiếng tổng hợp (3)	NVY043	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Thực hành tiếng tổng hợp (4)	NVY044	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nghe (1)	NVY009	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nghe (2)	NVY010	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nghe (3)	NVY011	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Đọc (1)	NVY015	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Đọc (2)	NVY016	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Đọc (3)	NVY017	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Viết (1)	NVY019	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Viết (2)	NVY020	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Viết (3)	NVY021	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (1)	NVY012	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (2)	NVY013	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (3)	NVY014	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (4)	NVY037	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (5)	NVY038	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Nói (6)	NVY039	3	60 (2TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Thực tập thực tế	NVY056	3	90 (3TC thực hành)

<b>1.2 Khối kiến thức lý thuyết ngôn ngữ</b>			<b>10 tín chỉ</b>
Ngữ âm học tiếng Ý	NVY002	2	30 (2TC lý thuyết)
Từ vựng học tiếng Ý	NVY046	2	30 (2TC lý thuyết)
Từ pháp học tiếng Ý	NVY004	3	45 (3TC lý thuyết)
Cú pháp học tiếng Ý	NVY003	3	45 (3TC lý thuyết)
<b>1.3 Khối kiến thức văn hóa – văn học – dịch</b>			<b>8 tín chỉ</b>
Văn hóa Ý (1)	NVY031	2	30 (2TC lý thuyết)
Văn học Ý (1)	NVY030	2	30 (2TC lý thuyết)
Dịch Việt – Ý (1)	NVY023	2	45 (1TC lý thuyết + 1 TC thực hành)
Dịch Ý – Việt (1)	NVY024	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)

### 8.2.2. Các học phần tự chọn

16 tín chỉ

Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết thực dạy
<b>2.1 Định hướng môn tự chọn cho năm III: 4 tín chỉ (sinh viên chọn 2 trong 5 môn sau)</b>			
<b>Học kỳ I</b>			
Nghe (nâng cao)	NVY045	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Đọc (nâng cao)	NVY018	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Viết (nâng cao)	NVY022	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)
<b>Học kỳ II</b>			
Lịch sử - Địa lý Ý	NVY035	2	30 (2TC lý thuyết)
Ngữ nghĩa học tiếng Ý	NVY005	2	30 (2TC lý thuyết)
<b>2.2 Định hướng môn tự chọn cho năm IV: 12 tín chỉ (sinh viên chọn 6 trong 10 môn sau)</b>			
<b>Học kỳ I</b>			
Dịch Ý – Việt (2)	NVY049	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Văn hóa Ý (2)	NVY050	2	30 (2TC lý thuyết)
Tiếng Ý du lịch	NVY029	2	45
Tiếng Ý báo chí	NVY027	2	45
Lý thuyết dịch	NVY006	2	30
<b>Học kỳ II</b>			

Dịch Việt – Ý (2)	NVY048	2	45 (1TC lý thuyết + 1TC thực hành)
Văn học Ý (2)	NVY051	2	30 (2TC lý thuyết)
Tiếng Ý thương mại	NVY028	2	45
Lịch sử ngôn ngữ Ý	NVY001	2	30
Ph/ pháp giảng dạy ngoại ngữ	NVY053	2	30

**8.2.3. Khóa luận tốt nghiệp (NVY...)** 10 tín chỉ

Sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp được miễn 10 tín chỉ các môn tự chọn (tương đương với 5 học phần hay 5 môn học tự chọn).

**Trưởng Bộ môn Ngữ văn Ý**

**TS. TRƯƠNG VĂN VỸ**

**HIỆU TRƯỞNG**

**CT HĐKH&ĐT TRƯỜNG**

# KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGỮ VĂN Y

(Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp)

## NĂM 1

HỌC KỲ I			HỌC KỲ II		
<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>
Thực hành tiếng Ý tổng hợp (1)	3	60	Nói (1)	3	60
Thực hành tiếng Ý tổng hợp (2)	3	60	Nghe (1)	3	60
Thực hành tiếng Ý tổng hợp (3)	3	60	Đọc (1)	3	60
Thực hành tiếng Ý tổng hợp (4)	3	60	Viết (1)	3	60
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>240</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>240</b>

## NĂM 2

HỌC KỲ I			HỌC KỲ II		
<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>
Nói (2)	3	60	Nói (3)	3	60
Nghe (2)	3	60	Nghe (3)	3	60
Đọc (2)	3	60	Đọc (3)	3	60
Viết (2)	3	60	Viết (3)	3	60
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>240</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>240</b>



**NĂM 3**

<b>HỌC KỲ I</b>			<b>HỌC KỲ II</b>		
<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>
Nói (4)	3	60	Thực tập thực tế	3	90
Dịch Ý – Việt (1)	2	45	Dịch Việt – Ý (1)	2	45
Văn hóa Ý (1)	2	30	Văn học Ý (1)	2	30
Ngữ âm học tiếng Ý	2	30	Từ vựng học tiếng Ý	2	30
Môn tự chọn (1)	2	30/45	Môn tự chọn (2)	2	30/45
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11</b>	<b>195/210</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11</b>	<b>225/240</b>

**NĂM 4**

<b>HỌC KỲ I</b>			<b>HỌC KỲ II</b>		
<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số tiết</i>
Nói (5)	3	60	Nói (6)	3	60
Từ pháp học tiếng Ý	3	45	Cú pháp học tiếng Ý	3	45
Môn tự chọn (3)	2	30/45	Môn tự chọn (6)	2	30/45
Môn tự chọn (4)	2	30/45	Môn tự chọn (7)	2	30/45
Môn tự chọn (5)	2	30/45	Môn tự chọn (8)	2	30/45
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>195/240</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>195/240</b>

